

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2993/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 17 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội
giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Công văn số 2144/LĐTBXH-BTXH ngày 01/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 217/TTr-SLĐTBXH ngày 03/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, công việc tại Kế hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch

UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội
giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2993/QĐ-UBND
ngày 17/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” và Công văn số 2144/LĐTĐ-BHXH-BTXH ngày 01/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành trong việc cụ thể hóa Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Phát huy tiềm năng nội lực, lợi thế của tỉnh, tranh thủ tối đa nguồn lực khác để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Góp phần nâng cao khả năng tự đảm bảo an sinh, nâng cao tinh thần, vật chất cho người dân, đảm bảo công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

a. Thực hiện đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội phải đúng trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả và bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn cụ thể; lồng ghép các hoạt động vào quá trình xây dựng, triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển về lao động và xã hội. Trợ giúp xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động, cân đối nguồn lực của tỉnh và từng bước tiếp cận với mức sống tối thiểu từng thời kỳ; ưu tiên người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

b. Trợ giúp xã hội phải đa dạng về mô hình, toàn diện cả về vật chất và tinh thần phù hợp với đời sống con người, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân; đảm bảo người dân gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Giai đoạn 2017 - 2020

a. 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của Nhà nước sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội.

b. 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

2. Giai đoạn 2021 - 2025

a. 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng; có chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số; tiếp tục mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội.

b. 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

a. 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của Nhà nước, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội; mức trợ cấp xã hội điều chỉnh phù hợp với khả năng ngân sách và xu hướng quốc tế.

b. 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

a. Nội dung: Tập trung chỉ đạo hướng dẫn các sở, ban, ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tốt công tác quản lý, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của xã hội trong việc tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở; tổ chức vận động, huy động các nguồn lực và thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội.

b. Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan.

2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

a. Nội dung

- Tuyên truyền, phổ biến quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, nâng cao nhận thức về nghĩa vụ và trách nhiệm của gia đình, nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội; tuyên truyền phổ biến về các giải pháp mô hình trợ giúp xã hội hiệu quả, gương điển hình tiên tiến vượt khó và nhân rộng trong cộng đồng.

- Xây dựng nội dung tuyên truyền đa dạng; mở các chuyên mục trên báo, trang tin điện tử, truyền hình về chính sách, pháp luật của Nhà nước và các hoạt động trợ giúp xã hội. Xây dựng các tài liệu tuyên truyền, dễ hiểu và đầy đủ thông tin.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giáo dục, truyền thông về trợ giúp xã hội. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm ưu tiên về thời điểm, thời lượng thông tin, truyền thông về trợ giúp xã hội.

b. Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông
- Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan.

3. Áp dụng thực hiện chính sách Trợ cấp xã hội theo quy định của Chính phủ

a. Nội dung: Triển khai áp dụng các chính sách trợ cấp xã hội theo quy định của Chính phủ cho từng thời kỳ theo lộ trình.

- Giai đoạn 2017 - 2020: Đảm bảo 100% người cao tuổi thuộc diện mở rộng có hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của nhà nước sống ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội kịp thời đầy đủ.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Điều chỉnh kịp thời mức trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Chính phủ và phù hợp với điều kiện ngân sách của tỉnh; tổ chức triển khai áp dụng chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số theo quy định của cấp có thẩm quyền; tiếp tục áp dụng mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội.

- Đến năm 2030: Áp dụng thực hiện chính sách đối với người cao tuổi thuộc diện mở rộng không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của Nhà nước, trẻ em dưới 36 tháng, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội; điều chỉnh mức trợ cấp xã hội theo quy định của Chính phủ.

b. Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan.

4. Tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp theo quy định của Chính phủ.

a. Nội dung

- Triển khai các chính sách và phát triển dịch vụ trợ giúp khẩn cấp theo hướng dựa trên mức độ thiệt hại, mức độ tổn thương, hoàn cảnh cụ thể và khả năng khắc phục rủi ro của cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, dịch bệnh, tác động của biến đổi khí hậu, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân của bạo lực gia đình, phụ nữ và trẻ em bị mua bán.

- Xây dựng thí điểm mô hình “Quỹ trợ giúp khẩn cấp” cấp tỉnh, huyện, xã để tăng cường vận động, ghi nhận tổ chức, cá nhân tham gia trợ giúp khẩn cấp bằng tiền, hiện vật; phân cấp, linh hoạt và kịp thời.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép trợ giúp khẩn cấp với các chính sách, chương trình liên quan (phát triển nông thôn mới, việc làm, giảm nghèo bền vững, phòng và giảm tác hại của biến đổi khí hậu), với phát triển các hình thức bảo hiểm (bảo hiểm sản xuất, bảo hiểm tài sản, con người) ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lụt, chịu tác động của biến đổi khí hậu cần có sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Tăng cường phân cấp quản lý cho cơ sở và huy động Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực huy động trợ giúp khẩn cấp.

b. Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan và các cơ sở bảo trợ xã hội.

5. Mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội

a. Nội dung

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, hình thức quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động nguồn lực trợ giúp xã hội để phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

- Thí điểm mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi có thời hạn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người cao tuổi, người khuyết tật không có người chăm sóc, phụng dưỡng; mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật và một số mô hình trợ giúp xã hội khác. Xây dựng mô hình tạm lánh để tiếp nhận, chăm sóc các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa tại một số địa phương.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập để đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

b. Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan và các cơ sở bảo trợ xã hội.

6. Công tác quản lý, tổ chức thực hiện trợ giúp xã hội

a. Nội dung

- Thống nhất cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội, có nhiệm vụ chủ trì, quản lý và tổ chức triển khai chiến lược, chương trình an sinh xã hội trợ giúp cho người nghèo và đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bảo đảm không chồng chéo nhiệm vụ của các sở, ngành.

- Chuyển công tác chi trả trợ cấp xã hội và các chính sách hỗ trợ tiền mặt cho cá nhân, hộ gia đình từ cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội sang tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp đến năm 2020.

- Áp dụng bộ tiêu chí xác định đối tượng dựa vào nhu cầu cần trợ giúp xã hội; có quy trình đối tượng tự đăng ký xét duyệt bảo đảm công khai, minh bạch.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội và chi trả trợ cấp, trợ giúp xã hội, bảo đảm tích hợp các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội khác trên cơ sở sử dụng số và thẻ an sinh xã hội điện tử. Nâng cao hiệu quả và hạn chế sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc hỗ trợ kinh nghiệm, nguồn lực để trợ giúp cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

b. Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan, các cơ sở bảo trợ xã hội và đơn vị tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả.

7. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội

a. Nội dung: Tăng cường công tác đào tạo tập huấn cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên và gia đình về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, trợ giúp xã hội cho đối tượng; nâng cao năng lực cán bộ quản lý về trợ giúp xã hội và công tác xã hội.

b. Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan, các cơ sở bảo trợ xã hội.

8. Giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch

a. Nội dung

- Thực hiện tiêu chí giám sát, đánh giá theo các nội dung và mục tiêu của Kế hoạch.
- Tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Kế hoạch.
- Tổ chức theo dõi, đánh giá hàng năm, giữa kỳ và tổng kết giai đoạn 2017 - 2020 việc thực hiện Kế hoạch.

b. Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước phù hợp với khả năng nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành. Huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, lồng ghép với dự án phát triển trợ giúp xã hội đối với đối tượng yếu thế thuộc Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội khác.

Riêng kinh phí tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên, gia đình đối tượng; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp cơ sở trợ giúp xã hội và các mô hình được thực hiện lồng ghép với các chương trình, đề án: Bảo vệ, chăm sóc trẻ em, trợ giúp phục hồi chức năng cho người tâm thần, phát triển nghề công tác xã hội đến năm 2020. Từ năm 2021, các nội dung này được bố trí dự toán từ ngân sách nhà nước theo Đề án của Trung ương.

2. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia chăm sóc đối tượng trợ giúp xã hội thông qua việc cung cấp tài chính để các tổ chức xã hội thực hiện các chương trình, đề án theo định hướng chung của Nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội cho các nhóm đối tượng khác nhau theo cơ chế tự cân đối thu chi hoặc được hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan Thường trực chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch và điều phối các hoạt động về trợ giúp xã hội; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ; tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình và kết quả

thực hiện Kế hoạch, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan vận động các nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân cho việc thực hiện Kế hoạch; lồng ghép vào các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do sở, ngành thực hiện. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí tăng cường công tác truyền truyền về trợ giúp xã hội.

5. Các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung có liên quan tại Kế hoạch này.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội liên quan theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, kiểm tra, giám sát việc thực thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Kế hoạch về trợ giúp xã hội tại địa phương phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

- Nắm bắt tình hình, quản lý đối tượng trên địa bàn; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh, đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa

phương tiện phản ánh bằng văn bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh